

LÝ LUẬN CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Mục Lục

Câu 1: Lý luận của học thuyết Mác - Lênin về nguồn gốc nhà nước và pháp luật?..... 3

Câu 2: Trình bày tóm tắt quá trình tan rã của chế độ cộng sản nguyên thủy dẫn đến sự ra đời của nhà nước và pháp luật? 3

Câu 3: Kiểu nhà nước là gì? Có các kiểu nhà nước nào?..... 4

Câu 4: Hình thức nhà nước là gì? Trình bày hình thức chính thể?..... 4

Câu 5: Hình thức nhà nước là gì? Trình bày hình thức cấu trúc nhà nước? 4

Câu 6: Hình thức nhà nước là gì? Trình bày chế độ chính trị?..... 5

Câu 7: Định nghĩa pháp luật? Trình bày tính giai cấp của pháp luật?..... 5

Câu 8: Trình bày mối quan hệ giữa pháp luật và kinh tế? 5

Câu 9: Trình bày mối quan hệ giữa pháp luật và chính trị? 5

Câu 10: Đặc điểm chung của kiểu pháp luật bóc lột là gì? 6

Câu 11: Thế nào là hình thức biểu hiện của pháp luật? Có những hình thức biểu hiện pháp luật nào?..... 6

Câu 12: Trình bày hình thức tập quán pháp? Điểm hạn chế của hình thức này? 7

Câu 13: Trình bày hình thức tiền lệ pháp? Điểm hạn chế của hình thức này? 7

Câu 14: Chức năng của nhà nước CHXHCN Việt Nam? 8

Câu 16: Tổ chức bộ máy cơ quan quyền lực nhà nước CHXHCN Việt Nam?..... 8

Câu 15: Bộ máy các cơ quan CHXHCN Việt Nam? Vẽ sơ đồ minh họa..... 9

Câu 17: Tổ chức bộ máy cơ quan hành pháp nhà nước CHXHCN Việt Nam? 9

Câu 18: Tổ chức bộ máy cơ quan tư pháp nhà nước CHXHCN Việt Nam?..... 10

Câu 19: Vai trò của pháp luật XHCN?..... 10

Câu 20: Định nghĩa quy phạm pháp luật? Đặc điểm của quy phạm pháp luật?..... 11

Câu 21: Trình bày phần giả định của quy phạm pháp luật. Kể tên các loại chế tài? 11

Câu 22: Trình bày phần quy định của quy phạm pháp luật. Kể tên các loại chế tài? 12

Câu 23: Định nghĩa văn bản quy phạm pháp luật. Đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật. 12

Câu 24: Các loại văn bản luật: Tên gọi? Trình tự ban hành?	12
Câu 25: Các văn bản dưới luật?	13
Câu 26: Hiệu lực về thời gian của văn bản quy phạm pháp luật?.....	13
Câu 27: Hiệu lực về không gian của văn bản quy phạm pháp luật?.....	14
Câu 28: Khái niệm về quan hệ pháp luật?.....	14
Câu 29: Thế nào là năng lực chủ thể trong quan hệ pháp luật?	15
Câu 30: Các loại chủ thể của quan hệ pháp luật? Điều kiện của tổ chức có tư cách pháp nhân?	15
Câu 31: Nội dung của quan hệ pháp luật?	15
Câu 32: Căn cứ làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật?	16
Câu 33: Thế nào là pháp chế XHCN?	16
Câu 34: Phân tích mối quan hệ giữa pháp chế và pháp luật?	17
Câu 35: Các biện pháp bảo đảm tăng cường pháp chế XHCN?	17
Câu 36: Thế nào là vi phạm pháp luật?.....	17
Câu 37: Tóm tắt nội dung các dấu hiệu cơ bản của vi phạm pháp luật.	18
Câu 38: Phân tích dấu hiệu lỗi của vi phạm pháp luật?.....	18
Câu 39: Trách nhiệm pháp lý là gì?.....	19
Câu 40: Các căn cứ để truy cứu trách nhiệm pháp lý?.....	19

Câu 1: Lý luận của học thuyết Mác - Lênin về nguồn gốc nhà nước và pháp luật?

- Nhà nước và pháp luật là 1 phạm trù lịch sử, cùng xuất hiện, cùng tồn tại và phát triển gắn liền với sự tồn tại và phát triển của giai cấp.
- Sự ra đời của nhà nước gắn liền với sự ra đời của pháp luật. Đó là quá trình tan rã của xã hội cộng sản nguyên thủy thành xã hội có giai cấp. Khi giai cấp tiêu vong thì nhà nước và pháp luật không còn nữa.
- Khi lực lượng sản xuất phát triển dẫn đến sự thay đổi về hình thái kinh tế xã hội và sự thay đổi đó phản ánh sự phát triển, tiến bộ hơn của lực lượng sản xuất.
- Lịch sử xã hội loài người phát triển qua 5 hình thái:
 - + Cộng sản nguyên thủy
 - + Chế độ nô lệ
 - + Phong kiến
 - + Tư sản
 - + Cộng sản văn minh
 - + XHCN là thời kỳ quá độ từ tư sản sang cộng sản văn minh.

Câu 2: Trình bày tóm tắt quá trình tan rã của chế độ cộng sản nguyên thủy dẫn đến sự ra đời của nhà nước và pháp luật?

- Quá trình tan rã của xã hội cộng sản nguyên thủy trải qua 3 lần phân công lao động, là 1 bước tiến của LLSX, từng bước làm rạn nứt và tan rã xã hội cộng sản nguyên thủy.
- + Lần 1: là quá trình con người thuần chủng động vật tạo ra ngành chăn nuôi phát triển ⇒ cho NSLD tăng lên, có của cải dư thừa, tích lũy ⇒ xuất hiện nhu cầu tư hữu. Đó là vết rạn nứt đầu tiên.
- + Lần 2: là quá trình con người tìm ra kim loại thay thế công cụ đồ đá, đồng ⇒ NSLD tăng ⇒ cần nhiều người lao động hơn, tạo ra xã hội phân hóa giàu – nghèo.
- + Lần 3: Sự hình thành thương nghiệp tạo điều kiện cho hàng hóa lưu thông, đồng tiền bắt đầu xuất hiện ⇒ cho vay nặng lãi ⇒ nghèo, bản cùng hóa ⇒ mâu thuẫn xã hội gay gắt. Tổ chức thị tộc bắt lực trước sự tồn tại mâu thuẫn xã hội giữa bộ phận bóc lột và bị bóc lột.

Giai cấp xã hội: Cần có tổ chức mới đủ sức để trấn áp mâu thuẫn đó để duy trì xã hội ⇒ nhà nước là công cụ, tầng lớp bóc lột (giai cấp thống trị) có khả năng sử dụng thiết chế là nhà tù, quân đội, cảnh sát để bảo vệ giai cấp thống trị.

Quá trình phát triển của LLSX qua 3 lần phân công lao động làm tan rã xã hội cộng sản nguyên thủy thành 1 xã hội xuất hiện giai cấp hình thành nên nhà nước và pháp luật. Nhà nước pháp luật đầu tiên trong lịch sử là nhà nước chiếm hữu nô lệ (điều hòa mâu thuẫn trong vòng “trật tự”).

Câu 3: Kiểu nhà nước là gì? Có các kiểu nhà nước nào?

- Kiểu nhà nước là tổng thể các đặc trưng cơ bản của nhà nước, thể hiện bản chất giai cấp, vai trò, giá trị xã hội và những điều kiện phát sinh, tồn tại, phát triển của nhà nước trong 1 hình thái kinh tế - xã hội nhất định.

- Từ khi có giai cấp đến nay đã tồn tại 4 hình thái kinh tế - xã hội: chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa và XHCN. Tương ứng với 4 hình thái kinh tế - xã hội ấy là 4 kiểu nhà nước: Nhà nước chủ nô, nhà nước phong kiến, nhà nước tư sản và nhà nước XHCN.

Trong đó, 3 kiểu nhà nước chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư sản là kiểu nhà nước bóc lột. Tuy có những điểm khác nhau nhưng có điểm chung nhất đều là công cụ, kiểu nhà nước bóc lột và cơ sở kinh tế của nó dựa trên chế độ tư hữu về TLSX.

Câu 4: Hình thức nhà nước là gì? Trình bày hình thức chính thể?

- Hình thức nhà nước là cách thức tổ chức quyền lực nhà nước và các phương pháp thực hiện quyền lực đó, bao gồm: hình thức chính thể, hình thức cấu trúc nhà nước và chế độ chính trị.

- Hình thức chính thể:

+ Là cách thức tổ chức, trình tự thành lập các cơ quan cấp cao của nhà nước và quan hệ giữa các cơ quan đó với nhau, cũng như thái độ của các cơ quan ấy đối với nhân dân.

+ Gồm có 2 dạng:

- Chính thể quân chủ: quyền lực cao nhất tập trung toàn bộ hoặc 1 phần vào tay người đứng đầu nhà nước theo nguyên tắc thừa kế quyền lực. Có quân chủ tuyệt đối (người đứng đầu nhà nước có quyền lực vô hạn) và quân chủ hạn chế (vua chỉ nắm 1 phần nhỏ quyền lực còn phần lớn thuộc về 1 cơ quan nhà nước được bầu ra theo nhiệm kỳ).
- Chính thể cộng hòa: quyền lực cao nhất thuộc về cơ quan được bầu ra trong thời hạn nhất định. Gồm có cộng hòa dân chủ và cộng hòa quý tộc.

Câu 5: Hình thức nhà nước là gì? Trình bày hình thức cấu trúc nhà nước?

Hình thức cấu trúc là sự cấu tạo Nhà nước thành các đơn vị hành chính - lãnh thổ và tính chất quan hệ giữa các bộ phận cấu thành nhà nước với nhau, giữa các cơ quan nhà nước ở TƯ với các cơ quan nhà nước ở địa phương.

+ Nhà nước đơn nhất là nhà nước có chủ quyền chung, lãnh thổ toàn vẹn, thống nhất; các bộ phận hợp thành nhà nước là những đơn vị hành chính – lãnh thổ không có chủ quyền riêng, độc lập; có 1 hệ thống các cơ quan nhà nước thống nhất từ TƯ đến địa phương có 1 hệ thống pháp luật, công dân chỉ mang 1 quốc tịch hoặc có thể đồng thời mang thêm quốc tịch của 1 nước khác.

+ Nhà nước liên bang là nhà nước hợp thành từ 2 hay nhiều nước thành viên. Chủ quyền quốc gia của liên bang vừa do nhà nước liên bang vừa do nhà nước thành viên nắm giữ, có 2 hệ thống pháp luật, công dân có 2 quốc tịch.

Câu 6: Hình thức nhà nước là gì? Trình bày chế độ chính trị?

Chế độ chính trị là toàn bộ các phương pháp, thủ đoạn, cách thức mà giai cấp thống trị sử dụng để thực hiện quyền lực Nhà nước của mình.

- Giai cấp thống trị sử dụng 2 phương pháp chính:
- + Phương pháp dân chủ: tổ chức bộ máy nhà nước bằng cách bầu cử tự do, bình đẳng, mở rộng quyền tự do dân chủ cho nhân dân.
- + Phương pháp phản dân chủ: tổ chức, thực hiện quyền lực nhà nước bằng các biện pháp phản dân chủ như lừa dối, hạn chế quyền tự do dân chủ, sử dụng bạo lực 1 cách phi pháp...

Câu 7: Định nghĩa pháp luật? Trình bày tính giai cấp của pháp luật?

- Pháp luật là hệ thống những quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận và đảm bảo thực hiện, thể hiện ý chí của giai cấp thống trị và là công cụ điều chỉnh các quan hệ xã hội phát triển phù hợp với lợi ích của giai cấp mình.
- Tính giai cấp:
- + Pháp luật ra đời, tồn tại, phát triển trong điều kiện có giai cấp và phục vụ lợi ích của giai cấp thống trị. Pháp luật luôn luôn phản ánh ý chí nhà nước của giai cấp thống trị. Nhờ nắm trong quyền lực nhà nước, giai cấp thống trị mới có thể thông qua nhà nước để hợp pháp hóa ý chí của mình thành ý chí nhà nước và ý chí đó được cụ thể hóa thành những quy phạm pháp luật.
- + Tính giai cấp còn được thể hiện ở mục đích điều chỉnh của pháp luật. Pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội quan trọng nhất theo ý chí và phù hợp với lợi ích của giai cấp thống trị. Trong xã hội có giai cấp, pháp luật là phương tiện hữu hiệu để điều chỉnh các quan hệ giai cấp để bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị.

Câu 8: Trình bày mối quan hệ giữa pháp luật và kinh tế?

- Pháp luật lệ thuộc vào kinh tế vì kinh tế là nguồn gốc phát sinh pháp luật; quan hệ kinh tế là nội dung của pháp luật; cơ cấu kinh tế quyết định cơ cấu của hệ thống pháp luật; tính chất quan hệ kinh tế trước hết là quan hệ sở hữu đối với TLSX và sản phẩm lao động xã hội, quyết định tính chất của pháp luật. Bởi vì lệ thuộc vào kinh tế nên nội dung và hình thức của pháp luật luôn phản ánh đúng trình độ phát triển kinh tế, phù hợp với trình độ phát triển kinh tế.
- Pháp luật cũng tác động trở lại kinh tế: nếu nội dung và hình thức của pháp luật phản ánh đúng trình độ phát triển kinh tế, thể hiện được ý chí và lợi ích của lực lượng tiến bộ trong xã hội thì pháp luật sẽ tác động tích cực tới kinh tế; ngược lại thì pháp luật sẽ tác động tiêu cực tới kinh tế.

Câu 9: Trình bày mối quan hệ giữa pháp luật và chính trị?

- Chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế. Đường lối chính trị, trước hết thể hiện ở các chính sách kinh tế mà các chính sách kinh tế đó muốn biến thành hiện thực phải thông qua

pháp luật, bằng pháp luật. Cho nên, đường lối, chính sách của giai cấp thống trị là cơ sở và nội dung cơ bản của pháp luật, còn pháp luật là phương tiện quan trọng nhất thực hiện đường lối, chính sách của giai cấp thống trị.

- Chính trị là quan hệ giữa các giai cấp liên quan tới việc giành và thực thi quyền lực nhà nước, do đó, pháp luật còn là công cụ có hiệu lực nhất để điều tiết các quan hệ giai cấp phù hợp với ý nguyện, lợi ích của giai cấp thống trị.
- Chính trị còn là hoạt động quản lý của nhà nước bằng pháp luật, là hoạt động của nhân dân tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội theo pháp luật, bởi thế pháp luật đã trở thành công cụ chủ yếu, có hiệu lực nhất để nhà nước và nhân dân quản lý xã hội.

Câu 10: Đặc điểm chung của kiểu pháp luật bóc lột là gì?

Nhà nước chủ nô, nhà nước phong kiến và nhà nước tư sản là những kiểu nhà nước bóc lột. Trong đó, giai cấp bóc lột thường chiếm số ít và thiểu số thường tước đoạt lợi ích và quyền lợi của đa số.

❖ Đặc điểm:

- Điều là các quy tắc xử sự do nhà nước bóc lột ban hành hoặc thừa nhận, trực tiếp thể hiện ý chí và bảo vệ lợi ích của giai cấp bóc lột chiếm thiểu số trong xã hội.
- Là những công cụ có hiệu lực nhất để thực hiện sự thống trị của giai cấp bóc lột đối với giai cấp bị bóc lột.
- Đó là kiểu pháp luật hà khắc thể hiện thông qua các quy định khắt khe, hình phạt nặng nề, dã man đối với người xâm phạm trật tự của nhà nước và trật tự xã hội.
- Hệ thống pháp luật không bình đẳng giữa các giai cấp khác nhau trong xã hội (giai cấp thống trị mâu thuẫn với các giai cấp khác), ưu tiên phục vụ lợi ích của giai cấp thống trị.
- Trong lịch sử, các quy định pháp luật của nhà nước bóc lột có 1 phần không nhỏ dựa vào tập quán pháp và tiền lệ pháp. Do đó, pháp luật bóc lột được áp dụng 1 cách tùy tiện để có lợi cho giai cấp bóc lột.
- Pháp luật của nhà nước bóc lột dựa trên chế độ tư nhân về sở hữu TLSX và sản phẩm lao động.

Câu 11: Thế nào là hình thức biểu hiện của pháp luật? Có những hình thức biểu hiện pháp luật nào?

- Hình thức của pháp luật là cách thức mà giai cấp thống trị sử dụng để nâng ý chí của mình lên thành pháp luật, là ranh giới tồn tại của pháp luật trong hệ thống các quy phạm xã hội, là cấu trúc bên trong và biểu hiện bên ngoài của pháp luật, phương thức tồn tại thực tế của pháp luật.
- Xét từ cấu trúc bên trong thì pháp luật có 4 hình thức: hệ thống pháp luật, ngành luật, chế định pháp luật, quy phạm pháp luật. Hệ thống pháp luật là toàn bộ các quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận được phân chia ra thành các ngành luật, mỗi ngành luật bao gồm các chế định pháp luật, mỗi chế định pháp luật được tạo thành từ các quy phạm pháp luật, mỗi quy phạm pháp luật được hình thành từ những bộ phận ngôn ngữ pháp lý liên kết chặt chẽ và thống nhất với nhau chức đựng ý chí nhà nước.

- Xét từ góc độ bên ngoài thì pháp luật có 3 hình thức: văn bản quy phạm pháp luật, tập quán pháp, tiền lệ pháp.
- + VBQPPL là hình thức VB do cơ quan nhà nước hoặc cá nhân có thẩm quyền ban hành theo thủ tục, trình tự do pháp luật quy định, có chứa đựng các QPPL nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội cơ bản và được thực hiện nhiều lần trong thực tế đời sống.
- + Tập quán pháp là những quy tắc xử sự do con người đặt ra để điều chỉnh quan hệ giữa người với người được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác trở thành thói quen xử sự, truyền thống ứng xử và được nhà nước công nhận là pháp luật.
- + Tiền lệ pháp là quyết định có trước giải quyết từng vụ việc cụ thể của cơ quan xét xử hoặc cơ quan hành chính nhà nước, được cấp có thẩm quyền của nhà nước thừa nhận là “khuôn mẫu” để các cơ quan kia theo đó mà giải quyết các vụ việc tương tự sau này.

Câu 12: Trình bày hình thức tập quán pháp? Điểm hạn chế của hình thức này?

- Tập quán pháp là những quy tắc xử sự do con người đặt ra để điều chỉnh quan hệ giữa người với người được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác trở thành thói quen xử sự, truyền thống ứng xử và được nhà nước công nhận là pháp luật.
- Điểm hạn chế:
 - + Do hình thành tự phát nên thường thiếu tính khoa học, nội dung lạc hậu, lỗi thời và có giá trị hiệu lực thấp.
 - + Thiếu tính đồng bộ, hình thức không rõ ràng, không thống nhất và còn mang tính vùng miền.
 - + Khó khăn trong việc muốn thay đổi, điều chỉnh nội dung do mang tính bảo thủ cao và chậm biến đổi.

Tuy tập quán pháp hạn chế trong xã hội hiện đại nhưng nó phát huy được vai trò trong xã hội mà nó tồn tại: tập quán pháp không phù hợp với XHCN vì pháp luật XHCN mang tính hiện đại, văn minh.

Câu 13: Trình bày hình thức tiền lệ pháp? Điểm hạn chế của hình thức này?

- Tiền lệ pháp là quyết định có trước giải quyết từng vụ việc cụ thể của cơ quan xét xử hoặc cơ quan hành chính nhà nước, được cấp có thẩm quyền của nhà nước thừa nhận là “khuôn mẫu” để các cơ quan kia theo đó mà giải quyết các vụ việc tương tự sau này.
- Điểm hạn chế:
 - + Do các quyết định và bản án quá nhiều và liên tục tăng theo thời gian nên gây rất nhiều khó khăn trong quá trình vận dụng, tìm được phiên tòa phù hợp.
 - + Trong quá trình áp dụng có thể gặp phải sự xung đột giữa các án lệ.
 - + Khó phân biệt những hình luận và những quyết định trong án lệ.
 - + Tính tương thích với Hiến pháp: khi án lệ xung đột với Hiến pháp thì án lệ đó không được chấp nhận.
 - + Việc áp dụng án lệ có thể tạo ra sự xung đột giữa các luật.

- + Ấn lệ không mang tính hệ thống và khái quát vì nó được hình thành theo những tình tiết của mỗi vụ việc.

Câu 14: Chức năng của nhà nước CHXHCN Việt Nam?

- ❖ Các chức năng đối nội:
 - Tổ chức quản lý nền kinh tế thị trường định hướng XHCN: Mục tiêu của chức năng này là đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, nâng cao hiệu quả và tính bền vững của sự phát triển, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, tại nền tảng để đưa nước ta thành 1 nước công nghiệp hiện đại.
 - Tổ chức và quản lý nền văn hóa, giáo dục, khoa học – công nghệ: Nhằm xây dựng con người VN phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, có ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung, lối sống có văn hóa, quan hệ hài hòa trong gia đình và xã hội.
 - Chức năng xã hội.
 - Giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội: nhằm giữ vững sự ổn định chính trị, bảo vệ chế độ XHCN để nhân dân bình an xây dựng cuộc sống mới; kịp thời đập tan mọi âm mưu và hành động phá hoại an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của kẻ thù.
 - Công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.
 - Bảo đảm cho pháp luật được tôn trọng và thực hiện 1 cách nghiêm chỉnh, đầy đủ và thống nhất.
- ❖ Các chức năng đối ngoại:
 - Bảo vệ Tổ quốc VN XHCN.
 - Quan hệ, hợp tác với các nước trên thế giới, không phân biệt chế độ chính trị và xã hội khác nhau.
 - Tham gia cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Câu 16: Tổ chức bộ máy cơ quan quyền lực nhà nước CHXHCN Việt Nam?

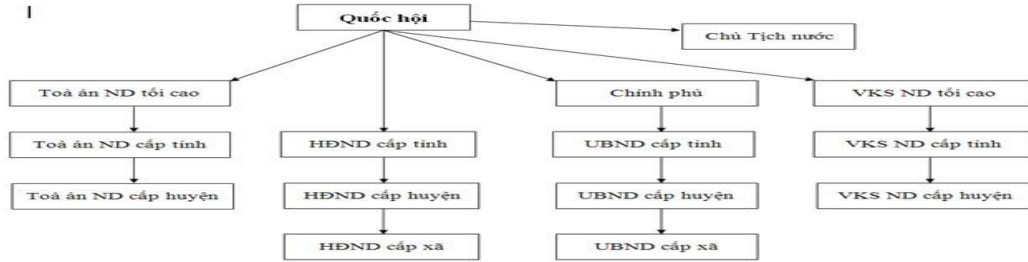
Gồm Quốc hội và HĐND các cấp:

- Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Do cử tri cả nước bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân cả nước, là cơ quan nhà nước duy nhất có quyền ban hành luật, có quyền quyết định các chính sách đối nội và đối ngoại của nhà nước, những nguyên tắc chủ yếu về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, về quan hệ xã hội và hoạt động của công dân; thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của nhà nước. Nhiệm kỳ của Quốc hội là 5 năm, mỗi năm họp 2 lần.
- HĐND là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân, do nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên. HĐND quyết định chủ trương, biện pháp nhằm phát huy tiềm năng của địa phương, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương; củng cố an ninh, quốc phòng, làm tròn nghĩa vụ của địa phương đối với cả nước.

Câu 15: Bộ máy các cơ quan CHXHCN Việt Nam? Vẽ sơ đồ minh họa.

Bộ máy nhà nước VN được tổ chức thành 4 hệ thống các cơ quan và một chức danh Nguyên thủ quốc gia. Đó là:

- Cơ quan lập pháp: bao gồm Quốc hội ở cấp trung ương và HĐND các cấp địa phương do nhân dân trực tiếp bầu ra và thay mặt nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước.
- Cơ quan hành pháp: bao gồm Chính phủ ở cấp trung ương và UBND các cấp địa phương do cơ quan quyền lực tương ứng bầu ra.
- Cơ quan tư pháp: bao gồm TAND Tối cao ở cấp trung ương và TAND các cấp địa phương.
- Cơ quan kiểm sát: bao gồm VKSND Tối cao ở cấp trung ương và VKSND các cấp địa phương.



phương.

Câu 17: Tổ chức bộ máy cơ quan hành pháp nhà nước CHXHCN Việt Nam?

Gồm Chính phủ và UBND các cấp:

- Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước VN, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội, UBTV Quốc hội, Chủ tịch nước. Chính phủ thống nhất quản lý việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của nhà nước; bảo đảm hiệu lực của bộ máy nhà nước từ TƯ đến cơ sở; bảo đảm việc tôn trọng và chấp hành Hiến pháp và pháp luật; phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc; bảo đảm ổn định và nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân.
- UBND do HĐND bầu là cơ quan chấp hành của HĐND, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước HĐND cùng cấp và cơ quan nhà nước cấp trên. UBND chấp hành Hiến pháp, luật, các văn bản quy phạm pháp luật khác nhằm bảo đảm thực hiện chủ trương, biện pháp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh và thực hiện các chính sách khác trên địa bàn; thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương, góp phần bảo đảm sự chỉ đạo, quản lý thống nhất trong bộ máy hành chính nhà nước từ TƯ đến cơ sở.

Câu 18: Tổ chức bộ máy cơ quan tư pháp nhà nước CHXHCN Việt Nam?

TAND là cơ quan xét xử của nước CHXHCN Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp.

- TAND có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.
- TAND góp phần giáo dục công dân trung thành với Tổ quốc, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, tôn trọng những quy tắc của cuộc sống xã hội, ý thức đấu tranh phòng, chống tội phạm, các vi phạm pháp luật khác.
- Tòa án nhân danh nước CHXHCN Việt Nam xét xử các vụ án hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, hành chính và giải quyết các việc khác theo quy định của pháp luật; xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình tố tụng; căn cứ vào kết quả tranh tụng ra bản án, quyết định việc có tội hoặc không có tội, áp dụng hoặc không áp dụng hình phạt, biện pháp tư pháp, quyết định về quyền và nghĩa vụ về tài sản, quyền nhân thân.
- Bản án, quyết định của TAND có hiệu lực pháp luật phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành.

Câu 19: Vai trò của pháp luật XHCN?

- Pháp luật quy định cơ cấu tổ chức; nội dung, hình thức, phương pháp, mục tiêu hoạt động của bộ máy nhà nước theo hướng nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.
- Pháp luật quy định và bảo đảm thực hiện việc xây dựng và phát triển nhanh, bền vững nền kinh tế thị trường định hướng XHCN vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.
- Pháp luật quy định và bảo đảm thực hiện việc xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; nền giáo dục mang tính nhân dân, dân tộc, khoa học, hiện đại; nền khoa học và công nghệ tiên tiến.
- Pháp luật quy định và bảo đảm thực hiện việc những nội dung của chính sách xã hội nhằm đảm bảo công bằng xã hội, phát triển con người 1 cách hài hòa, xây dựng và phát huy môi trường lành mạnh, năng động và văn minh.
- Pháp luật quy định và bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp và nghĩa vụ của công dân nhằm xây dựng, phát huy mối quan hệ bình đẳng về quyền và nước giữa nhà nước với công dân trong điều kiện đổi mới, phát triển nhanh, bền vững và hội nhập quốc tế.
- Pháp luật quy định và đảm bảo thực hiện việc xây dựng, phát huy nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân nhằm bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển đảo của tổ quốc; bảo vệ chế độ XHCN và thành quả của cách mạng.
- PL quy định và đảm bảo thực hiện việc mở rộng, phát huy mối quan hệ, sự hợp tác với tất cả các nước trên thế giới trên cơ sở tôn trọng, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; các bên cùng có lợi, vì hòa bình thế giới.

Câu 20: Định nghĩa quy phạm pháp luật? Đặc điểm của quy phạm pháp luật?

- Quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự mang tính chất bắt buộc chung, do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, thể hiện ý chí của nhà nước và được nhà nước đảm bảo thực hiện nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội.
- Đặc điểm:
 - + Quy phạm pháp luật mang tính chuẩn mực, là tiêu chuẩn đánh giá hành vi con người.
 - + Do nhà nước đặt ra, ban hành và phê chuẩn, nhà nước bảo đảm thực hiện bằng biện pháp cưỡng chế.
 - + Quy phạm pháp luật thể hiện ý chí của nhà nước.
 - + Mang tính bắt buộc chung đối với tất cả mọi người. Vì vậy, quy phạm pháp luật được đặt ra không phải chỉ để điều chỉnh 1 quan hệ xã hội cụ thể mà để điều chỉnh các quan hệ xã hội chung.
 - + Quy phạm pháp luật vừa mang tính xã hội, vừa mang tính giai cấp. Giữa các quy phạm luôn có sự liên hệ mật thiết và thống nhất với nhau tạo nên một hệ thống pháp luật thống nhất cùng điều chỉnh có hiệu quả các quan hệ xã hội.
 - + Được sử dụng nhiều lần trong đời sống, chỉ chấm dứt khi bị thay thế hoặc hủy bỏ.
 - + Nội dung của quy phạm pháp luật được thể hiện qua 2 mặt là quyền và nghĩa vụ.

Câu 21: Trình bày phân giả định của quy phạm pháp luật. Kể tên các loại chế tài?

- Giả định là 1 bộ phận của QPPL, nêu chủ thể pháp luật (cá nhân, tổ chức có khả năng được hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật), điều kiện, hoàn cảnh, tình huống mà chủ thể pháp luật gặp phải. Đây là phần pháp luật dự kiến, trừ liệu có khả năng xảy ra trong cuộc sống nhằm điều chỉnh bằng pháp luật.
- Bộ phận giả định có thể được chia thành 2 loại: giả định đơn giản và giả định phức tạp. Giả định đơn giản là giả định chỉ nêu 1 điều kiện, hoàn cảnh, tình huống mà chủ thể gặp phải. Giả định phức tạp nêu nhiều điều kiện, hoàn cảnh, tình huống mà chủ thể pháp luật có thể gặp phải.
- Phân loại chế tài:
 - + Tính chất, nội dung, đặc điểm của đối tượng được pháp luật bảo vệ bị xâm hại bởi hành vi vi phạm pháp luật:
 - Chế tài hình sự
 - Chế tài hành chính
 - Chế tài dân sự
 - Chế tài kỷ luật nhà nước
 - + Mức độ dứt khoát trong mệnh lệnh của nhà nước về mức xử lý của nhà nước đối với chủ thể vi phạm pháp luật:
 - Chế tài cố định: xác định dứt khoát mức xử lý của nhà nước
 - Chế tài không cố định: quy định nhiều mức xử lý của nhà nước, còn mức nào do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định căn cứ vào từng vụ việc cụ thể.

Câu 22: Trình bày phần quy định của quy phạm pháp luật. Kể tên các loại chế tài?

- Quy định là bộ phận quan trọng nhất của QPPL, không thể thiếu đi trong QPPL vì quy định nêu lên quy tắc xử sự bắt buộc đối với những chủ thể dự kiến trong phần giả định.
- Phần quy định chính là phần nêu lên cách thức xử sự, trực tiếp thể hiện ý chí của nhà nước, đồng thời là mệnh lệnh của nhà nước cho nên nó có tính chất bắt buộc phải tuân theo. Do vậy, phần này phải được quy định rõ ràng, tránh quy định mập mờ, tối nghĩa, chung chung dẫn đến khó thực hiện, không tuân thủ.
- Phân loại chế tài:
 - + Tính chất, nội dung, đặc điểm của đối tượng được pháp luật bảo vệ bị xâm hại bởi hành vi vi phạm pháp luật:
 - Chế tài hình sự
 - Chế tài hành chính
 - Chế tài dân sự
 - Chế tài kỷ luật nhà nước
 - + Mức độ dứt khoát trong mệnh lệnh của nhà nước về mức xử lý của nhà nước đối với chủ thể vi phạm pháp luật:
 - Chế tài cố định: xác định dứt khoát mức xử lý của nhà nước
 - Chế tài không cố định: quy định nhiều mức xử lý của nhà nước, còn mức nào do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định căn cứ vào từng vụ việc cụ thể.

Câu 23: Định nghĩa văn bản quy phạm pháp luật. Đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật.

- Văn bản QPPL là văn bản do cơ quan nhà nước ban hành hoặc phối hợp ban hành theo thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục nhất định, trong đó có quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung, được Nhà nước bảo đảm thực hiện để điều chỉnh các quan hệ xã hội.
- Đặc điểm:
 - + Chỉ do chủ thể có thẩm quyền ban hành hoặc phối hợp ban hành.
 - + Được ban hành theo thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục luật định.
 - + Có nội dung gồm các QPPL (hay các quy tắc) mang tính chất bắt buộc chung.
 - + Điều chỉnh các quan hệ xã hội cơ bản.
 - + Được nhà nước bảo đảm thực hiện bằng sức mạnh vật chất và sức mạnh tinh thần, trong đó có sức mạnh cưỡng chế.
 - + Được thực hiện nhiều lần trong thực tế đời sống nhà nước và đời sống xã hội.

Câu 24: Các loại văn bản luật: Tên gọi? Trình tự ban hành?

- Các loại văn bản luật:
 - + Hiến pháp: là luật cơ bản của nhà nước, quy định những vấn đề quan trọng nhất và cơ bản nhất của đất nước.
 - + Bộ luật, luật.
 - + Nghị quyết có chứa đựng các QPPL của Quốc hội.

- Trình tự ban hành:
- + Lập chương trình xây dựng luật
- + Soạn thảo luật
- + Thẩm tra các dự án luật
- + Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến về dự án luật
- + Thảo luận, tiếp thu, chỉnh lý và thông qua dự án luật
- + Công bố luật

Câu 25: Các văn bản dưới luật?

- + Pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương MTTQ Việt Nam.
- + Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.
- + Nghị định của Chính phủ; nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương MTTQ VN.
- + Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
- + Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao.
- + Thông tư của Chánh án TAND tối cao; thông tư của Viện trưởng VKSND tối cao; thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; thông tư liên tịch giữa Chánh án TAND tối cao với Viện trưởng VKSND tối cao; thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án TAND tối cao, Viện trưởng VKSND tối cao; quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước.
- + Nghị quyết của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
- + Quyết định của UBND cấp tỉnh.
- + Văn bản QPPL của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.
- + Nghị quyết của HĐND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc TƯ.
- + Quyết định của UBND cấp huyện.
- + Nghị quyết của HĐND xã, phường, thị trấn.
- + Quyết định của UBND cấp xã.

Câu 26: Hiệu lực về thời gian của văn bản quy phạm pháp luật?

- Là giá trị tác động của văn bản được tính từ thời điểm văn bản phát sinh hiệu lực tới thời điểm văn bản hết hiệu lực.
- Thời điểm phát sinh hiệu lực:
 - + Thời điểm có hiệu lực của văn bản QPPL được quy định trong văn bản nhưng không sớm hơn 45 ngày, kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành.
 - + Trường hợp văn bản QPPL quy định các biện pháp thi hành trong tình trạng khẩn cấp, văn bản được ban hành để kịp thời đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai, dịch bệnh thì có thể có hiệu lực kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành nhưng phải được đăng ngay trên Trang thông tin điện tử của cơ quan ban hành và phải được đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng; đăng Công báo chậm nhất sau 2 ngày làm việc, kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành.
- Thời điểm chấm dứt hiệu lực:

Văn bản QPPL hết hiệu lực toàn bộ hoặc 1 phần trong các trường hợp sau đây:

- + Hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản.
- + Được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó.
- + Bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ bằng một văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- + Không còn đối tượng điều chỉnh

Câu 27: Hiệu lực về không gian của văn bản quy phạm pháp luật?

- Là giá trị tác động của văn bản trong 1 phạm vi lãnh thổ nhất định mà văn bản đó có hiệu lực về thời gian và đối tượng tác động.
- Nếu trong văn bản QPPL có quy định không gian tác động của văn bản thì chúng ta xác định hiệu lực về không gian của nó 1 cách dễ dàng. Trong trường hợp văn bản không quy định thì phải dựa vào thẩm quyền ban hành văn bản và nội dung để xác định hiệu lực về không gian của văn bản.
- Văn bản do cơ quan nhà nước hoặc cá nhân có thẩm quyền ở TƯ ban hành hoặc phối hợp ban hành thì có hiệu lực trên phạm vi cả nước cũng như trên phạm vi cơ quan, tổ chức và các phương tiện giao thông vận tải của nước ta ở nước ngoài.
- Văn bản QPPL do HĐND và UBND ban hành thì có hiệu lực trong phạm vi lãnh thổ địa phương do họ quản lý và trong phạm vi cơ quan, tổ chức và các phương tiện giao thông vận tải của địa phương đang hoạt động ở ngoài địa phương ấy.
- Tuy nhiên, cần căn cứ vào nội dung văn bản QPPL để xác định hiệu lực về không gian bởi vì có văn bản dù cho cơ quan nhà nước ở TƯ ban hành nhưng nội dung thì chỉ liên quan tới 1 hoặc 1 số vùng lãnh thổ nhất định.

Câu 28: Khái niệm về quan hệ pháp luật?

- Quan hệ pháp luật là các quan hệ xã hội được các quy phạm pháp luật điều chỉnh, trong đó các bên tham gia đáp ứng được các điều kiện do nhà nước quy định, có những quyền và nghĩa vụ nhất định theo quy định của pháp luật.
- Phân loại:
 - + Theo đối tượng và phương pháp điều chỉnh: quan hệ pháp luật được phân chia tương ứng với các ngành luật như quan hệ pháp luật nhà nước, quan hệ pháp luật hành chính, quan hệ pháp luật dân sự...
 - + Theo cách thức thực hiện quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia: quan hệ pháp luật chung và quan hệ pháp luật cụ thể.
- Đặc điểm:
 - + Quan hệ pháp luật mang tính ý chí
 - + Chịu sự chi phối của cơ sở kinh tế
 - + Được hình thành trên cơ sở QPPL
 - + Là quan hệ mà các bên tham gia quan hệ đó có các quyền và nghĩa vụ do pháp luật quy định
 - + Được bảo đảm thực hiện bằng cưỡng chế nhà nước
 - + Là quan hệ có tính xác định về chủ thể và cơ cấu

Câu 29: Thế nào là năng lực chủ thể trong quan hệ pháp luật?

- Năng lực chủ thể trong quan hệ pháp luật là năng lực mà pháp luật tạo ra cho chủ thể và chủ thể có điều kiện thực hiện năng lực đó.
- Năng lực chủ thể được tạo nên bởi 2 yếu tố:
 - + Năng lực pháp luật: là khả năng có quyền và mang nghĩa vụ mà pháp luật đã quy định.
 - + Năng lực hành vi: là khả năng được nhà nước thừa nhận mà nhờ có khả năng đó, chủ thể tự thực hiện được các quyền và nghĩa vụ pháp lý cũng như độc lập chịu trách nhiệm về những hành vi của mình.
- Đặc điểm các loại chủ thể:
 - + Cá nhân là chủ thể quan hệ pháp luật gồm:
 - Công dân: năng lực chủ thể của công dân xuất hiện từ khi được sinh ra vì thời điểm đó họ được công nhận là chủ thể pháp luật, được pháp luật bảo vệ.
 - Người nước ngoài, người không quốc tịch có thể trở thành chủ thể quan hệ pháp luật theo các điều kiện áp dụng cho công dân. Tuy nhiên, trong 1 số lĩnh vực, năng lực chủ thể của họ bị hạn chế hoặc trong 1 số trường hợp được mở rộng hơn.
 - + Tổ chức: năng lực pháp luật và năng lực hành vi xuất hiện cùng lúc với việc tổ chức đó được thành lập hợp pháp hoặc được công nhận là hợp pháp và mất đi khi tổ chức đó bị giải thể.

Câu 30: Các loại chủ thể của quan hệ pháp luật? Điều kiện của tổ chức có tư cách pháp nhân?

- Chủ thể của quan hệ pháp luật:
 - + Cá nhân là chủ thể quan hệ pháp luật gồm công dân nước sở tại, công dân nước ngoài và người không quốc tịch đang công tác, làm ăn, sinh sống tại nước sở tại. Trong số đó thì công dân nước sở tại chiếm đa số. Để trở thành chủ thể của quan hệ pháp luật thì cá nhân phải có năng lực pháp luật và năng lực hành vi.
 - + Tổ chức là chủ thể quan hệ pháp luật gồm nhiều loại nhưng chủ yếu là nhà nước và pháp nhân. Nhà nước là chủ thể đặc biệt của quan hệ pháp luật vì nó là tổ chức chính trị quyền lực của nhân dân, mang chủ quyền quốc gia và đại diện cho cả xã hội.
- Điều kiện của tổ chức có tư cách pháp nhân:
 - + Được thành lập hợp pháp
 - + Có cơ cấu tổ chức chặt chẽ
 - + Có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó
 - + Nhân danh mình tham gia các quan hệ pháp luật 1 cách độc lập.

Câu 31: Nội dung của quan hệ pháp luật?

Nội dung quan hệ pháp luật gồm quyền và nghĩa vụ của chủ thể quan hệ pháp luật.

- Quyền của chủ thể quan hệ pháp luật là khả năng xử sự của chủ thể được pháp luật trao cho. Nói cách khác, đó là khả năng của chủ thể được thực hiện những hành vi nhất định mà pháp luật cho phép.
Chủ thể quan hệ pháp luật có 3 quyền cơ bản:

- + Được thực hiện những hành vi nhất định mà pháp luật cho phép.
- + Được yêu cầu chủ thể kia chấm dứt hành động cản trở mình thực hiện quyền và nghĩa vụ, hoặc thực hiện đúng, đầy đủ và nghiêm chỉnh nghĩa vụ mà pháp luật đã quy định cho họ.
- + Yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo vệ lợi ích của mình khi lợi ích đó bị xâm hại.
- Nghĩa vụ của chủ thể quan hệ pháp luật là sự cần thiết phải xử sự của chủ thể này nhằm đáp ứng quyền và lợi ích của chủ thể kia. Những hành vi mà chủ thể phải thực hiện: tiến hành những hoạt động nhất định để đáp ứng quyền và lợi ích của phía bên kia; tự kiềm chế không phạm vào những điều cấm của pháp luật; phải chịu trách nhiệm pháp lý khi vi phạm pháp luật.

Câu 32: Căn cứ làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật?

- Căn cứ làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật chính là sự kiện pháp lý. Sự kiện pháp lý là những tình huống, hiện tượng, quá trình xảy ra trong đời sống có liên quan tới sự xuất hiện, thay đổi, chấm dứt các quan hệ pháp luật.
- Các tình huống, hiện tượng, quá trình này được gọi là sự kiện pháp lý vì:
- + Chúng đã được quy định rõ ràng trong phần giả định của các QPPL và làm cho các quy tắc về hành vi trong phần quy định của các QPPL có hiệu lực.
- + Căn cứ vào những quy định của QPPL, những sự kiện này sẽ làm nảy sinh những hậu quả pháp lý nhất định.
- Phân loại sự kiện pháp lý:
- + Sự biến là sự kiện xảy ra trong đời sống không lệ thuộc vào ý chí chủ quan của con người.
- + Hành vi là sự kiện xảy ra lệ thuộc vào ý chí chủ quan của con người. Hành vi được thể hiện dưới dạng hành động hoặc không hành động, hành vi hợp pháp và hành vi bất hợp pháp.

Câu 33: Thế nào là pháp chế XHCN?

- Pháp chế XHCN là 1 chế độ đặc biệt của đời sống chính trị xã hội, trong đó tất cả các cơ quan nhà nước, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, nhân viên nhà nước, nhân viên các tổ chức xã hội và mọi công dân đều phải tôn trọng và thực hiện pháp luật 1 cách nghiêm chỉnh, triệt để và chính xác.
- Nội dung của pháp chế:
- + Là nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước XHCN.
- + Là nguyên tắc chủ yếu trong tổ chức và hoạt động của các tổ chức chính trị, chính trị xã hội.
- + Là nguyên tắc xử sự quan trọng nhất giữa công dân với nhau.
- + Là cơ sở để xây dựng, củng cố và phát triển nền dân chủ XHCN.
- Ý nghĩa của pháp chế: pháp chế là điều kiện cơ bản để phát huy dân chủ.
- Các nguyên tắc cơ bản của pháp chế XHCN
- + Tôn trọng tính tối cao của Hiến pháp và Luật.
- + Đảm bảo tính thống nhất của pháp chế trên quy mô toàn quốc.
- + Các cơ quan xây dựng pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật, bảo vệ pháp luật phải hoạt động 1 cách tích cực, chủ động và có hiệu quả.
- + Không tách rời pháp chế với văn hóa và văn hóa pháp lý.

Câu 34: Phân tích mối quan hệ giữa pháp chế và pháp luật?

- Pháp chế gắn bó chặt chẽ với pháp luật. Việc tôn trọng, thực hiện pháp luật 1 cách tự giác, đầy đủ, nghiêm chỉnh, thống nhất phụ thuộc vào mức độ hoàn thiện hệ thống pháp luật theo các tiêu chuẩn: toàn diện, đồng bộ, khoa học, thực tiễn. Do đó, pháp chế cũng lệ thuộc vào pháp luật, được xây dựng, củng cố và phát triển trên cơ sở pháp luật. Pháp luật chỉ “sống” được, phát huy được hiệu lực trong xã hội khi có pháp chế, dựa vào pháp chế; ngược lại, pháp chế chỉ có thể được thiết lập, củng cố, tăng cường trong điều kiện có hệ thống pháp luật hoàn thiện, có tính khả thi cao. Cả hai đều là cơ sở, tiền đề tồn tại và phát triển của nhau.
- Nhà nước pháp quyền là 1 nhà nước có pháp chế. Trong nhà nước đó, pháp luật được mọi người tôn trọng và thực hiện 1 cách tự giác, đầy đủ, nghiêm chỉnh, thống nhất. Một nền pháp chế thực sự mang tính toàn diện, đầy đủ, vững chắc không chỉ cần có nhà nước pháp quyền mà còn đòi hỏi các tổ chức kinh tế, xã hội công dân đều luôn tôn trọng và thực hiện pháp luật.
- Sự tôn trọng và thực hiện pháp luật trong bộ máy nhà nước sẽ thúc đẩy việc tôn trọng và thực hiện pháp luật ở ngoài xã hội; ngược lại, sự tôn trọng và thực hiện pháp luật ở ngoài xã hội cũng là tiền đề, điều kiện quan trọng để đảm bảo cho pháp luật được tôn trọng và thực hiện trong bộ máy nhà nước. Do đó, vừa phải xây dựng nhà nước pháp quyền, vừa áp dụng mọi biện pháp để pháp luật được tôn trọng và thực hiện ở ngoài xã hội. Có như vậy mới tạo ra được 1 nền pháp chế XHCH hoàn chỉnh.

Câu 35: Các biện pháp bảo đảm tăng cường pháp chế XHCN?

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác pháp chế (để sửa chữa những sai phạm).
- Tăng cường công tác xây dựng pháp luật, đảm bảo hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, có sự đồng bộ, giảm bớt mâu thuẫn, chồng chéo.
- Rà soát các văn bản pháp luật để phát hiện ra những lạc hậu, chồng chéo (công tác tập hợp hóa).
- Tuyên truyền, phổ biến, tăng cường thực hiện pháp luật.
- Đòi hỏi tất cả các cán bộ nhân viên nhà nước, đặc biệt là khối nội chính: TAND, VKSND... - lá chắn của nhà nước, phải hết sức gương mẫu trong việc thực hiện pháp luật.
- Mỗi công dân nâng cao thái độ tôn trọng pháp luật, tạo ra môi trường hoạt động trong khuôn khổ pháp luật.
- Việc thực hiện pháp luật phải được thực hiện trên quy mô toàn quốc (mọi lúc, mọi nơi, mọi thời điểm).

Câu 36: Thế nào là vi phạm pháp luật?

- Vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật, có lỗi của chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý (có khả năng chịu trách nhiệm pháp lý), đã xâm hại tới quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.
- Những đặc trưng của vi phạm pháp luật:
 - + Là hành vi của con người, thể hiện dưới dạng hành động hoặc không hành động.

- + Là hành vi của con người mà hành vi đó trái pháp luật, vi phạm những quy định định các QPPL.
- + Là hành vi trái pháp luật có chứa đựng lỗi của chủ thể.
- + Là hành vi trái pháp luật, có lỗi của chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý.

Câu 37: Tóm tắt nội dung các dấu hiệu cơ bản của vi phạm pháp luật.

- Vi phạm pháp luật là hành vi của con người, thể hiện dưới dạng hành động hoặc không hành động. Mọi suy nghĩ của con người dù tốt dù xấu cũng không thể coi là hành vi vi phạm pháp luật.
- Vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật, xâm hại tới các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ. Tính trái pháp luật thể hiện ở chỗ: làm không đúng điều pháp luật cho phép, không làm hoặc làm không đầy đủ điều pháp luật bắt buộc phải làm, làm điều pháp luật ngăn cấm.
- Vi phạm pháp luật là hành vi có lỗi. Nhưng không phải tất cả các hành vi trái pháp luật đều là vi phạm pháp luật mà chỉ hành vi trái pháp luật nào được chủ thể thực hiện 1 cách cố ý hoặc vô ý mới được coi là vi phạm pháp luật. Lỗi là trạng thái tâm lý, thể hiện thái độ tiêu cực của chủ thể đối với hậu quả hành vi trái pháp luật của mình và đối với hành vi trái pháp luật ấy ở thời điểm chủ thể thực hiện hành vi trái pháp luật.
- Vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật, có lỗi của chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý. Chủ thể của hành vi trái pháp luật có thể là cá nhân hoặc tổ chức. Tổ chức phải luôn luôn có năng lực trách nhiệm pháp lý. Cá nhân phải là người đã đến tuổi chịu trách nhiệm pháp lý về hành vi trái pháp luật của mình và có sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, có khả năng nhận thức trước được hậu quả và điều khiển được hành vi của mình.

Câu 38: Phân tích dấu hiệu lỗi của vi phạm pháp luật?

- Lỗi là trạng thái tâm lý, thể hiện thái độ tiêu cực của chủ thể đối với hậu quả hành vi trái pháp luật của mình và đối với hành vi trái pháp luật ấy ở thời điểm chủ thể thực hiện hành vi trái pháp luật.
- Lỗi gồm 2 loại: cố ý và vô ý.
- + Lỗi cố ý lại gồm 2 loại: cố ý trực tiếp và cố ý gián tiếp.
- Lỗi cố ý trực tiếp: chủ thể thấy trước được hậu quả xấu trong hành vi trái pháp luật của mình và mong muốn cho hậu quả đó xảy ra.
- Lỗi cố ý gián tiếp: chủ thể thấy trước được hậu quả xấu trong hành vi trái pháp luật của mình, tuy không mong muốn hậu quả xấu đó xảy ra nhưng để mặc cho nó xảy ra.
- + Lỗi vô ý gồm 2 loại: vô ý vì cẩu thả và vô ý vì quá tự tin.
- Vô ý vì cẩu thả: chủ thể không nhìn thấy trước hậu quả xấu trong hành vi trái pháp luật của mình mà lẽ ra phải nhìn thấy trước trong điều kiện có thể nhìn thấy trước.
- Lỗi vô ý vì quá tự tin: chủ thể thấy trước được hậu quả xấu trong hành vi trái pháp luật của mình nhưng tin chắc rằng hậu quả đó sẽ không xảy ra, mà nếu nó xảy ra thì có thể ngăn chặn được.

Câu 39: Trách nhiệm pháp lý là gì?

- Trách nhiệm pháp lý là sự gánh chịu những hậu quả bất lợi về vật chất hoặc tinh thần của chủ thể vi phạm pháp luật, do cơ quan nhà nước hoặc cá nhân có thẩm quyền đã áp dụng biện pháp cưỡng chế có tính chất trừng phạt đối với chủ thể đó, mà biện pháp cưỡng chế ấy được quy định trong phần chế tài của QPPL.
- Đặc điểm:
 - + Chỉ được áp dụng khi có vi phạm pháp luật xảy ra.
 - + Được áp dụng bởi cơ quan nhà nước hoặc cá nhân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
 - + Được áp dụng theo thủ tục, trình tự do pháp luật quy định.
 - + Luôn gắn liền với biện pháp cưỡng chế có tính trừng phạt.
 - + Việc áp dụng trách nhiệm pháp lý luôn có mục đích rõ ràng và cụ thể.
- Gồm có: trách nhiệm pháp lý hình sự, trách nhiệm pháp lý dân sự, trách nhiệm pháp lý hành chính, v kỷ luật nhà nước, trách nhiệm vật chất.

Câu 40: Các căn cứ để truy cứu trách nhiệm pháp lý?

- Cơ sở pháp lý:
 - + Xác định vi phạm pháp luật
 - + Xác định thời hiệu giải quyết vụ việc đó
 - + Xác định thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc đó, các biện pháp mà pháp luật quy định có thể áp dụng với chủ thể vi phạm.
 - + Xác định hậu quả bất lợi mà chủ thể phải gánh chịu.
- Cơ sở thực tế:
 - + Mặt khách quan: là những dấu hiệu biểu hiện ra bên ngoài thế giới khách quan của vi phạm pháp luật. Gồm:
 - Hành vi trái pháp luật: thể hiện dưới dạng hành động hoặc không hành động, trái pháp luật gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho xã hội.
 - Sự thiệt hại của xã hội: là những thiệt hại về vật chất và tinh thần do hành vi trái pháp luật gây ra cho xã hội.
 - Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả nguy hiểm cho xã hội: hành vi trái pháp luật là nguyên nhân trực tiếp, sự thiệt hại của xã hội là kết quả tất yếu.
 - + Mặt chủ quan: là trạng thái tâm lý bên trong của chủ thể khi thực hiện hành vi trái pháp luật. Nó bao gồm các yếu tố: lỗi, động cơ, mục đích vi phạm pháp luật.
 - Lỗi là trạng thái tâm lý hay thái độ của chủ thể đối với hành vi của mình và đối với hậu quả của hành vi đó gây ra cho xã hội.
 - Động cơ là động lực tâm lý bên trong thúc đẩy chủ thể thực hiện hành vi trái pháp luật.
 - Mục đích là kết quả cuối cùng mà chủ thể vi phạm pháp luật mong muốn đạt được.
- + Chủ thể của vi phạm pháp luật là cá nhân, tổ chức có năng lực trách nhiệm pháp lý và đã thực hiện hành vi trái pháp luật.
- + Khách thể của vi phạm pháp luật là quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ nhưng bị xâm hại bởi hành vi trái pháp luật.

ABOUT

Hỗ trợ ôn tập là một dự án phi lợi nhuận hướng tới cộng đồng.

Với mục đích đem đến kiến thức miễn phí cho tất cả mọi người, chúng tôi sẽ hỗ trợ các bạn tốt nhất trong lĩnh vực giáo dục bằng cách cung cấp cho các bạn tài liệu ôn tập miễn phí, đề cương ôn tập miễn phí.

Các bạn sẽ không cần phải lo về đề cương, về tài liệu, về sách,... Các bạn chỉ việc theo dõi và để lại yêu cầu cho đội nhóm chúng tôi, còn việc tìm kiếm và biên soạn tài liệu đã có chúng tôi lo!!!!

Hiện giờ, chúng tôi đang hỗ trợ về

1. Tài liệu ôn tập tiếng anh FREE.
2. Tài liệu ôn thi đại học FREE
3. Tài liệu ôn thi cấp 3 FREE
4. Đề cương ôn thi chương trình Đại học FREE.
5. Một số tài liệu khác.

Liên hệ và kết nối với chúng tôi:

- ✓ Facebook: facebook.com/HoTroOnTap
- ✓ Fanpage: facebook.com/HoTroOnTapPage
- ✓ Group: facebook.com/groups/HoTroOnTapGroup
- ✓ Website: hotroontap.com